

Số: 2606/QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông công lập
Năm học 2026-2027**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế tuyển sinh);

Căn cứ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027;

Căn cứ Công văn số 1166/SGDĐT-QLT ngày 25/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027;

Căn cứ đề xuất về phương án điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 của Hiệu trưởng các trường THPT công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2026-2027 theo Bảng điểm chuẩn trúng tuyển đính kèm.

Điều 2. Hiệu trưởng các trường THPT công lập căn cứ vào điểm chuẩn trúng tuyển, tổ chức tiếp nhận học sinh trúng tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở; Hiệu trưởng các trường THPT công lập; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Ngành;
- Lưu: VT, QLT. *Ht*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiền

BẢNG ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027
(Kèm theo Quyết định số **2606** /QĐ-SGDĐT ngày **19** / 6 /2026 của
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội) **16**

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
1.	0101	THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình	22,25	
2.	0102	THPT Phạm Hồng Thái	24,00	
3.	0103	THPT Phan Đình Phùng	25,75	
4.	0201	THPT Ba Vì	14,00	
5.	0202	THPT Bất Bạt	13,50	
6.	0203	THPT Minh Quang	10,00	
7.	0204	THPT Ngô Quyền-Ba Vì	16,00	
8.	0205	THPT Quảng Oai	16,75	
9.	0206	Phổ thông Dân tộc nội trú	19,25	
10.	0207	TH, THCS và THPT Minh Châu	8,50	
11.	0301	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	25,75	
12.	0302	THPT Thượng Cát	22,00	
13.	0303	THPT Xuân Đỉnh	24,50	
14.	0402	THPT Cầu Giấy	24,50	
15.	0403	THPT Yên Hòa	26,00	
16.	0405	THPT Hoàng Quán Chi	23,00	
17.	0501	THPT Chúc Động	17,50	
18.	0502	THPT Chương Mỹ A	21,50	
19.	0503	THPT Chương Mỹ B	15,25	
20.	0504	THPT Xuân Mai	16,25	
21.	0505	THPT Nguyễn Văn Trỗi	14,00	
22.	0601	THPT Đan Phượng	21,25	
23.	0602	THPT Hồng Thái	16,75	
24.	0603	THPT Tân Lập	19,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyên vọng 1	Ghi chú
25.	0604	THPT Thọ Xuân	16,00	
26.	0701	THPT Bắc Thăng Long	21,25	
27.	0702	THPT Cổ Loa	21,25	
28.	0703	THPT Đông Anh	18,75	
29.	0704	THPT Liên Hà	21,50	
30.	0705	THPT Vân Nội	18,25	
31.	0706	THPT Phúc Thịnh	15,75	
32.	0707	THPT Việt Hùng	17,00	
33.	0801	THPT Đông Đa	22,75	
34.	0802	THPT Kim Liên	26,00	Tiếng Nhật: 23,00
35.	0803	THPT Lê Quý Đôn-Đông Đa	24,75	
36.	0804	THPT Quang Trung-Đông Đa	23,75	
37.	0805	THPT Hoàng Cầu	21,25	
38.	0901	THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm	23,25	
39.	0902	THPT Dương Xá	20,00	
40.	0903	THPT Nguyễn Văn Cừ	19,00	
41.	0904	THPT Yên Viên	20,00	
42.	1002	THPT Lê Lợi	21,50	
43.	1003	THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông	26,00	
44.	1004	THPT Quang Trung-Hà Đông	24,00	
45.	1005	THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông	20,50	
46.	1101	THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	22,50	
47.	1102	THPT Thăng Long	25,50	
48.	1103	THPT Trần Nhân Tông	24,00	
49.	1201	THPT Hoài Đức A	22,00	
50.	1202	THPT Hoài Đức B	20,25	
51.	1203	THPT Vạn Xuân-Hoài Đức	18,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyên vọng 1	Ghi chú
52.	1204	THPT Hoài Đức C	17,75	
53.	1301	THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm	24,75	
54.	1302	THPT Việt Đức	25,75	-Tiếng Đức: 22,75 -Tiếng Nhật: 24,25 - Tiếng Pháp Song ngữ: 30,60 -Tiếng pháp tăng cường: 26,53
55.	1401	THPT Hoàng Văn Thụ	21,75	
56.	1402	THPT Trương Định	22,75	
57.	1403	THPT Việt Nam-Ba Lan	23,75	
58.	1404	THPT Đỗ Mười	20,50	
59.	1501	THPT Lý Thường Kiệt	23,50	
60.	1502	THPT Nguyễn Gia Thiều	25,25	
61.	1503	THPT Phúc Lợi	20,25	
62.	1504	THPT Thạch Bàn	20,00	
63.	1601	THPT Mê Linh	20,00	
64.	1602	THPT Quang Minh	15,00	
65.	1603	THPT Tiên Phong	16,25	
66.	1604	THPT Tiến Thịnh	14,00	
67.	1605	THPT Tự Lập	14,00	
68.	1606	THPT Yên Lãng	17,50	
69.	1701	THPT Hợp Thanh	12,50	
70.	1702	THPT Mỹ Đức A	17,25	
71.	1703	THPT Mỹ Đức B	15,00	
72.	1704	THPT Mỹ Đức C	9,00	
73.	1801	THPT Đại Mỗ	20,00	
74.	1802	THPT Trung Văn	21,50	
75.	1803	THPT Xuân Phương	22,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
76.	1804	THPT Mỹ Đình	24,25	
77.	1901	THPT Đồng Quan	16,50	
78.	1902	THPT Phú Xuyên A	17,00	
79.	1903	THPT Phú Xuyên B	14,00	
80.	1904	THPT Tân Dân	14,25	
81.	2001	THPT Ngọc Tảo	15,25	
82.	2002	THPT Phúc Thọ	15,25	
83.	2003	THPT Vân Cốc	14,25	
84.	2101	THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai	17,00	
85.	2102	THPT Minh Khai	16,00	
86.	2103	THPT Quốc Oai	21,25	
87.	2104	THPT Phan Huy Chú-Quốc Oai	16,00	
88.	2201	THPT Đa Phúc	18,50	
89.	2202	THPT Kim Anh	17,00	
90.	2203	THPT Minh Phú	15,25	
91.	2204	THPT Sóc Sơn	19,75	
92.	2205	THPT Trung Giã	15,50	
93.	2206	THPT Xuân Giang	15,50	
94.	2302	THPT Tùng Thiện	19,25	
95.	2303	THPT Xuân Khanh	14,50	
96.	2402	THPT Tây Hồ	22,75	
97.	2501	THPT Bắc Lương Sơn	13,00	
98.	2502	THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất	14,00	
99.	2503	THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất	16,25	
100.	2504	THPT Thạch Thất	18,25	
101.	2505	THPT Minh Hà	14,75	
102.	2601	THPT Nguyễn Du-Thanh Oai	16,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
103.	2602	THPT Thanh Oai A	16,50	
104.	2603	THPT Thanh Oai B	19,25	
105.	2701	THPT Ngọc Hồi	22,00	
106.	2702	THPT Ngô Thị Nhậm	20,75	
107.	2703	THPT Đông Mỹ	19,25	
108.	2704	THPT Nguyễn Quốc Trinh	18,50	
109.	2801	THPT Nhân Chính	25,00	
110.	2802	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	22,75	
111.	2803	THPT Khương Đình	22,00	
112.	2804	TH, THCS và THPT Khương Hạ	20,00	
113.	2901	THPT Lý Tử Tấn	15,00	
114.	2902	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín	17,50	
115.	2903	THPT Tô Hiệu-Thường Tín	14,75	
116.	2904	THPT Thường Tín	19,50	
117.	2905	THPT Vân Tảo	16,00	
118.	3001	THPT Đại Cường	12,00	
119.	3002	THPT Lưu Hoàng	11,00	
120.	3003	THPT Trần Đăng Ninh	14,75	
121.	3004	THPT Ứng Hoà A	16,00	
122.	3005	THPT Ứng Hoà B	13,00	

Ghi chú:

- Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 được xét tuyển nguyện vọng 2 nhưng phải có Điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1 của trường ít nhất 0,5 điểm.

- Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 được xét tuyển nguyện vọng 3 nhưng phải có Điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1 của trường ít nhất 1,0 điểm. *HM*